

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/DS-ST
Ngày: 30-5-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Sức
- Bà Lưu Thị Ngọc Huỳnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp dân sự về Hợp đồng góp hụi”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị Đ, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: tổ 03, ấp Hiệp Tr, xã Hiệp X, huyện PT, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: chị Trần Thị Như Ng, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: tổ 01, ấp Hiệp Tr, xã Hiệp X, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Chị Đ có mặt; chị Ng có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày:

Do quen biết cùng xóm nên có tham gia chơi hụi do chị Trần Thị Như Ng làm chủ các dây hụi sau:

- Dây hụi 1.000.000 đồng/1tháng, khởi hụi ngày 20/8a1/2019, có 29 phần,

tham gia 01 phần, số thứ tự 09 trong danh sách hội viên, hốt chót số tiền 28.000.000 đồng, trừ huê hồng 500.000 đồng còn lại 27.500.000 đồng. Chị Ng đã giao được 11.000.000 đồng, còn 16.500.000 đồng, nhưng do tính nhầm nên ghi số tiền còn nợ 18.200.000 đồng.

- Dây hội 1.000.000 đồng/1tháng, khởi hội ngày 09/6al/2020, có 28 phần, tham gia 02 phần, số thứ tự 11 và 12 trong danh sách hội, châu được 18 lần số tiền 20.900.000 đồng. Do chị Ng vỡ hội nên không châu nữa.

Nay yêu cầu chị Ng trả số tiền hội 37.400.000 đồng, rút lại yêu cầu đối với số tiền 1.700.000 đồng do tính nhầm của dây hội ngày 20/8al/2019.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 04/5/2023, bị đơn chị Trần Thị Như Ng trình bày:

Chị có làm các chủ hội đúng như chị Đ trình bày. Các danh sách hội ngày 20/8al/2019, 09/6al/2020 do chị Đ cung cấp đúng là do chị lập. Chị thừa nhận còn nợ số tiền hội như chị Đ yêu cầu, khi nào bán được tài sản thì sẽ trả, yêu cầu vắng mặt khi xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Qua đó cho thấy nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, do chị Đ tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.700.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với số tiền 1.700.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Đ, buộc chị Trần Thị Như Ng trả số tiền hội 37.400.000 đồng. Chị Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị Đ khởi kiện chị Trần Thị Như Ng đòi số tiền hội nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp hội” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Chị Ng có nơi cư trú tại xã Hiệp X, huyện PT, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT theo quy định điểm b, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Ng.

[1.4] Tại đơn khởi kiện, chị Đ yêu cầu chị Ng trả số tiền hội 39.100.000 đồng, do tính nhầm nên rút lại yêu cầu đối với số tiền 1.700.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên chấp nhận theo quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Ngày 20/8a/2019 và ngày 09/6a/2020, chị Đ có tham gia chơi hội do chị Ng làm chủ hội, chứng cứ khởi kiện là các danh sách hội do chị Ng lập. Ngoài ra, còn có lời khai của những người làm chứng như bà Dương Thị Phụng, ông Nguyễn Công Tr, anh Lê Thanh N, ông Nguyễn Văn Kh cùng tham gia chơi hội chung. Chị Ng thừa nhận còn nợ tiền hội như chị Đ trình bày, nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về tiền lãi hội, lẽ ra phải điều chỉnh tiền lãi trên tổng số tiền vốn góp mà chị Đ đã thực nộp cho chị Ng theo mức lãi 20%/năm theo quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, nhưng chị Đ và chị Ng không tranh chấp nên không xem xét.

[2.3] Đối với ý kiến của chị Ng khi nào bán được tài sản sẽ trả, yêu cầu này không được chị Đ đồng ý, nên căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường, buộc chị Ng phải trả cho chị Đ số tiền hội 37.400.000 đồng.

[2.4] Về án phí DSST: Do yêu cầu khởi kiện của chị Đ được chấp nhận nên chị Ng phải chịu án phí có giá ngạch (37.400.000 đồng x 5% = 1.780.000 đồng) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Đ đối với số tiền 1.700.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Đ đối với chị Trần Thị Như Ng về hợp đồng góp hội.

Buộc chị Trần Thị Như Ng phải có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Đ số tiền 37.400.000 đồng (Ba mươi bảy triệu bốn trăm ngàn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Như Ng phải chịu án phí 1.780.000 đồng (Một triệu bảy trăm tám mươi ngàn).

Chị Trần Thị Đ không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 975.000 (Chín trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0005939 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Ng vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện PT;
- Chi cục THADS huyện PT;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

Nguyễn Thị Nhung